

TÍNH THỜI ĐẠI CỦA HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

★ TS BÙI THỊ THÙY NHI

Viện Kinh tế chính trị học,

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

- **Tóm tắt:** Học thuyết giá trị thặng dư là hạt nhân trong toàn bộ hệ thống lý luận kinh tế của C.Mác, được trình bày một cách công phu và đồ sộ trong bộ “Tư bản”. Bài viết phân tích tính thời đại của học thuyết giá trị thặng dư trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trên cơ sở đó, cung cấp những luận cứ khoa học phục vụ việc tiếp tục hoàn thiện tư duy lý luận của Đảng về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.
- **Từ khóa:** Tính thời đại; học thuyết giá trị thặng dư; Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; học thuyết Mác; lý luận kinh tế của C.Mác.

The contemporary nature of the theory of surplus value in the context of the Fourth Industrial Revolution

- **Abstract:** The theory of surplus value is the core of K. Marx's entire system of economic theory, presented in a comprehensive and extensive manner in "Capital". This article analyzes the contemporary nature of the theory of surplus value in the context of the Fourth Industrial Revolution, and on that basis, provides scientific arguments to further refine the Party's theoretical thinking on the development of a socialist-oriented market economy in Vietnam.
- **Keywords:** contemporary nature; theory of surplus value; the Fourth Industrial Revolution; Marxist theory; K.Marx's economic theories.

1. Mở đầu

Học thuyết giá trị thặng dư, một trong những di sản lý luận quan trọng nhất của chủ nghĩa Mác, đã cung cấp khung phân tích sâu sắc về bản chất của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Ra đời trong bối cảnh của các cuộc cách mạng công nghiệp trước đây, học thuyết này không ngừng được kiểm nghiệm và soi chiếu qua những biến động của lịch sử, qua đó khẳng định sức sống

lý luận và giá trị bền vững của nó. Trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với những đột phá về công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa và kết nối toàn cầu, một câu hỏi lớn được đặt ra là: “*Liệu học thuyết giá trị thặng dư có còn giữ nguyên tính thời đại và ý nghĩa thực tiễn, đặc biệt là đối với một quốc gia đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng như Việt Nam?*”.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư không chỉ mang lại những cơ hội phát triển vượt bậc mà còn đặt ra nhiều thách thức mới đối với phương thức sản xuất, quan hệ lao động, cấu trúc xã hội và sự phân chia của cải. Sự trỗi dậy của kinh tế số, kinh tế nền tảng, sự thay đổi vai trò của người lao động và sự xuất hiện của các hình thái “tư bản số” đặt ra yêu cầu phải nhận diện lại các hình thức biểu hiện mới của quy luật giá trị thặng dư. Việc phân tích, làm rõ tính thời đại của học thuyết giá trị thặng dư trong bối cảnh mới không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn mang giá trị định hướng quan trọng cho việc hoạch định chính sách, bảo vệ quyền lợi người lao động và xây dựng một xã hội công bằng, phát triển bền vững.

2. Nội dung

2.1. Một số nội dung cơ bản của học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác

Học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác phân tích hình thái kinh tế cơ bản nhất của xã hội tư bản, đó là hàng hóa. Theo C.Mác, hàng hóa là sản phẩm của lao động, được tạo ra để thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi. Hàng hóa có hai thuộc tính: giá trị sử dụng và giá trị trao đổi. C.Mác là người đầu tiên chỉ ra tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa, bao gồm lao động cụ thể và lao động trừu tượng. Sự phát triển của trao đổi hàng hóa dẫn đến sự ra đời của tiền tệ. Tiền tệ là hàng hóa đặc biệt, đóng vai trò vật ngang giá chung và là hình thái biểu hiện của giá trị. Đồng thời, tiền tệ đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển hóa giá trị thành tư bản.

Sau khi phân tích hàng hóa và tiền tệ, C.Mác chuyển sang nghiên cứu sự vận động của tiền với tư cách là tư bản. C.Mác đã chỉ ra sự khác nhau cơ bản giữa lưu thông hàng hóa giản đơn và lưu thông tư bản. Theo đó, lưu thông hàng hóa giản đơn (H - T - H) bắt đầu bằng việc bán hàng hóa

để lấy tiền, sau đó dùng tiền để mua hàng hóa khác nhằm phục vụ nhu cầu, với mục đích cuối cùng là giá trị sử dụng. Còn lưu thông tư bản (T - H - T') lại bắt đầu bằng tiền, dùng tiền để mua hàng hóa, sau đó bán hàng hóa ấy để thu về một lượng tiền lớn hơn. Mục đích của quá trình này là giá trị lớn hơn, tức là giá trị thặng dư. Trong đó: $T' = T + \Delta T$; ΔT chính là giá trị thặng dư.

C. Mác chỉ ra rằng, sự khác biệt căn bản giữa hai hình thức lưu thông nằm ở mục đích: lưu thông hàng hóa giản đơn hướng tới thỏa mãn nhu cầu, trong khi lưu thông tư bản lại nhằm làm cho giá trị tăng lên, tức là tích lũy giá trị thặng dư. C.Mác đặt câu hỏi: “*Từ đâu mà có giá trị thặng dư?*” Nếu trao đổi ngang giá, không thể có giá trị thặng dư. Ngay cả khi trao đổi không ngang giá, cũng không thể có giá trị thặng dư trên phạm vi toàn xã hội. Giá trị thặng dư không thể xuất phát từ tiền vì tiền chỉ đóng vai trò là vật ngang giá, cũng không thể hình thành từ tư liệu sản xuất vì chúng chỉ chuyển dịch giá trị của mình vào sản phẩm. Từ đó, C.Mác kết luận rằng, phải có một loại hàng hóa đặc biệt mà trong quá trình sử dụng nó lại tạo ra một lượng giá trị lớn hơn giá trị của bản thân nó. Hàng hóa đặc biệt đó chính là hàng hóa sức lao động.

C.Mác khẳng định, cũng như mọi hàng hóa khác, giá trị của sức lao động được xác định bởi thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra nó. Còn giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động là khả năng của người công nhân tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân sức lao động trong quá trình lao động. Đây là thuộc tính độc đáo của hàng hóa sức lao động và là chìa khóa để giải thích sự hình thành giá trị thặng dư.

Trọng tâm cốt lõi của học thuyết giá trị thặng dư, nơi C.Mác vén màn bí mật của sự bóc lột tư bản, chính là quá trình sản xuất giá trị thặng dư.

C.Mác cho rằng, khi nhà tư bản mua sức lao động và tư liệu sản xuất, họ kết hợp chúng lại trong quá trình sản xuất. Sự kết hợp giữa lao động có mục đích của con người với công cụ lao động và đối tượng lao động để tạo ra sản phẩm gọi là quá trình lao động. Lao động trừu tượng của người công nhân làm hao phí sức lực và đồng thời tạo ra giá trị mới, được gọi là quá trình sản xuất giá trị. Quá trình sản xuất giá trị thặng dư chính là sự thống nhất của quá trình lao động và quá trình tạo ra giá trị, trong đó lao động của công nhân tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị sức lao động của họ.

C.Mác phân chia tư bản thành hai phần dựa trên vai trò của chúng trong quá trình tạo ra giá trị thặng dư: (1) *Tư bản bất biến* (c): Là bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái tư liệu sản xuất (máy móc, nhà xưởng, nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật liệu phụ...). Giá trị của bộ phận này không thay đổi về lượng trong quá trình sản xuất, mà chỉ được lao động cụ thể của công nhân chuyển dịch dần dần vào sản phẩm dưới dạng khấu hao (máy móc) hoặc toàn bộ (nguyên vật liệu). Nó không tạo ra giá trị mới và giá trị thặng dư. (2) *Tư bản khả biến* (v): Là bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái sức lao động. Bộ phận này không chỉ tái tạo giá trị của bản thân nó, tức là tiền lương của công nhân mà còn tạo ra một lượng giá trị mới dôi ra ngoài giá trị của nó, chính là giá trị thặng dư (m). C.Mác gọi đây là tư bản “khả biến” vì giá trị của nó thay đổi, tăng lên trong quá trình sản xuất. Sự phân chia này là một phát hiện quan trọng của C.Mác, cho phép ông chỉ ra rằng nguồn gốc duy nhất của giá trị mới và giá trị thặng dư là lao động sống của công nhân (tư bản khả biến), chứ không phải tư liệu sản xuất.

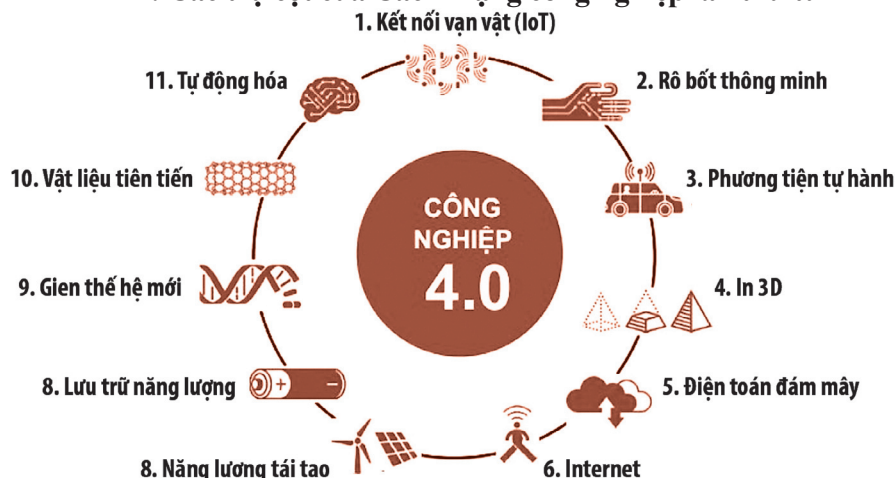
Sau khi phát hiện ra nguồn gốc của giá trị thặng dư, C.Mác chỉ ra rằng nhà tư bản có 2 phương thức cơ bản để tăng cường bóc lột và

thu được nhiều giá trị thặng dư hơn: (1) *Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối*: Là phương pháp sản xuất giá trị thặng dư bằng cách kéo dài ngày lao động vượt quá thời gian lao động cần thiết (thời gian lao động để bù đắp giá trị sức lao động) hoặc tăng cường độ lao động (làm cho công nhân lao động vất vả hơn, tạo ra nhiều sản phẩm hơn trong cùng một đơn vị thời gian). Phương pháp này bị giới hạn bởi các yếu tố vật lý và đạo đức đối với người lao động. (2) *Sản xuất giá trị thặng dư tương đối*: Là phương pháp sản xuất giá trị thặng dư bằng cách rút ngắn thời gian lao động cần thiết (giảm giá trị sức lao động) trong khi độ dài ngày lao động không đổi. Điều này đạt được thông qua việc tăng năng suất lao động xã hội, bằng cách áp dụng khoa học kỹ thuật, cải tiến quản lý, phân công lao động chuyên môn hóa... Giá trị thặng dư thu được từ việc áp dụng kỹ thuật mới, cải tiến phương pháp quản lý sớm hơn các đối thủ cạnh tranh, làm cho năng suất lao động cá biệt cao hơn năng suất lao động xã hội trung bình. Khi đó, nhà tư bản sẽ thu được giá trị thặng dư siêu ngạch. Đây là hình thức đặc biệt của giá trị thặng dư tương đối. Đến khi công nghệ trở nên phổ biến, giá trị thặng dư siêu ngạch sẽ trở thành giá trị thặng dư tương đối xã hội. Đây là động lực mạnh mẽ thúc đẩy cạnh tranh và đổi mới trong chủ nghĩa tư bản.

2.2. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư - bối cảnh mới cho sự vận động của quy luật giá trị thặng dư

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là sự hội tụ của các công nghệ số, vật lý và sinh học, bao gồm trí tuệ nhân tạo, robot, tự động hóa, vật liệu mới, công nghệ sinh học và dữ liệu lớn, qua đó làm thay đổi căn bản phương thức con người sống, làm việc và tương tác. Các đặc trưng cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư bao gồm các yếu tố sau:

Hình 1: Các trụ cột của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư



Nguồn: Klaus Schwab: *11 yếu tố cốt lõi của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF).

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang định hình lại toàn bộ thế giới kinh tế, tạo ra một bối cảnh hoàn toàn mới cho sự vận động của các quy luật kinh tế, bao gồm cả quy luật giá trị thặng dư. Theo đó, cuộc cách mạng này làm biến đổi sâu sắc các yếu tố cấu thành quá trình sản xuất trên các phương diện tư liệu lao động, đối tượng lao động và người lao động...

Về tư liệu lao động: Máy móc ngày càng thông minh hơn, được kết nối internet, có khả năng tự tối ưu hóa và phối hợp nhịp nhàng trong các nhà máy thông minh. Robot thế hệ mới có thể thực hiện các công việc phức tạp, tinh vi và tương tác an toàn với con người. Phần mềm, thuật toán và các nền tảng số trở thành những tư liệu lao động quan trọng, thậm chí mang tính cốt lõi trong nhiều ngành.

Về đối tượng lao động: Bên cạnh các đối tượng lao động truyền thống như nguyên vật liệu, thì dữ liệu (data) trở thành một loại “nguyên liệu thô” mới, giữ vai trò hết sức quan trọng. Quá trình thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu tạo ra giá trị to lớn. Đồng thời, các sản phẩm

số, tài sản số (phần mềm, nội dung số, tiền mã hóa) trở thành đối tượng của quá trình sản xuất và trao đổi.

Về sức lao động: Cách mạng công nghiệp lần thứ tư ảnh hưởng đến mọi mặt của quá trình sản xuất xã hội, trong đó có yếu tố lao động. Nhu cầu đối với lao động có kỹ năng số, kỹ năng phân tích dữ liệu, tư duy phản biện, sáng tạo và khả năng thích ứng với thay đổi công nghệ ngày càng trở nên cấp thiết. Bên cạnh đó, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư dẫn đến sự phân cực về kỹ năng lao động, làm gia tăng nhu cầu lao động trình độ cao và lao động dịch vụ cá nhân, trong khi lao động có kỹ năng trung bình và thấp trong các ngành sản xuất truyền thống phải đối mặt với nguy cơ bị thay thế bởi tự động hóa.

Đồng thời, vai trò của lao động trí óc, lao động quản lý, thiết kế, nghiên cứu - chuyển giao ngày càng quan trọng, từ đó xuất hiện các hình thái “lao động số” như làm việc từ xa, làm việc qua nền tảng (platform-based work), lao động vi mô. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng làm mờ nhạt ranh giới giữa thời gian làm việc

và nghỉ ngơi, cho phép làm việc mọi lúc, mọi nơi, có thể dẫn đến kéo dài ngày lao động một cách vô hình.

Về quan hệ sản xuất: Những biến đổi về quan hệ sản xuất trong Cách mạng công nghiệp lần thứ tư xuất phát từ việc xuất hiện các mô hình kinh tế mới như kinh tế nền tảng⁽¹⁾ và kinh tế Gig⁽²⁾. Các nền tảng số như Amazon, Uber, Grab, Airbnb, Facebook, Google... trở thành trung gian kết nối cung cầu hàng hóa, dịch vụ và lao động. Những nền tảng này sở hữu công nghệ, dữ liệu và thiết lập các quy tắc vận hành, qua đó có khả năng thu lợi nhuận lớn. Bên cạnh đó là sự trỗi dậy của kinh tế “Gig” - nền kinh tế việc làm tự do, ngắn hạn với lực lượng lao động là những người làm việc theo hợp đồng ngắn hạn, theo dự án hoặc theo yêu cầu. Hình thức này mang lại sự linh hoạt nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro về thu nhập bấp bênh, thiếu an sinh xã hội và các biện pháp bảo vệ quyền lợi cho người lao động.

Thêm vào đó, trí tuệ nhân tạo (AI) và robot có khả năng thay thế con người trong nhiều công việc, từ hoạt động sản xuất lặp đi lặp lại đến các tác vụ phân tích, dịch thuật, thậm chí cả một số công việc sáng tạo. Điều này làm tăng nguy cơ thất nghiệp công nghệ trên diện rộng. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có xu hướng làm gia tăng khoảng cách thu nhập giữa lao động kỹ năng cao, những người có thể làm chủ và hưởng lợi từ công nghệ mới và những lao động kỹ năng thấp dễ bị thay thế hoặc bị giảm giá trị sức lao động. Sự tập trung quyền lực và của cải vào tay các chủ sở hữu công nghệ và nền tảng cũng làm gia tăng bất bình đẳng trong xã hội hiện đại.

2.3. Tính thời đại của học thuyết giá trị thặng dư trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Dù Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang đến những hình thái sản xuất và lao động mới,

học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác vẫn giữ nguyên giá trị cốt lõi trong việc phân tích bản chất kinh tế của thời đại.

2.3.1. Lao động sống vẫn là nguồn gốc duy nhất tạo ra giá trị mới và giá trị thặng dư trong Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Theo C.Mác, máy móc, công nghệ (bao gồm cả AI, robot, phần mềm...) là sản phẩm của lao động quá khứ, được coi là tư bản bất biến. Chúng chỉ chuyển dịch giá trị của bản thân vào sản phẩm mới trong quá trình sản xuất, chứ không tự mình tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị nội tại của chúng. Giá trị của một robot hay một hệ thống AI được quyết định bởi lao động xã hội cần thiết để chế tạo, phát triển và duy trì nó. Dù AI có khả năng “học” và “sáng tạo” ở một mức độ nhất định, thì năng lực này vẫn dựa trên dữ liệu và thuật toán do con người tạo ra và huấn luyện. Nếu không có sự đầu tư lao động sống để thiết kế, lập trình, giám sát, bảo trì và cải tiến, các hệ thống tự động này không thể hoạt động và tạo ra sản phẩm.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đề cao vai trò của lao động trí tuệ, lao động có hàm lượng chất xám cao như kỹ sư, nhà khoa học dữ liệu, nhà thiết kế, chuyên gia R&D... Lao động phức tạp này tạo ra một lượng giá trị lớn hơn nhiều so với lao động giản đơn trong cùng một đơn vị thời gian. Mặc dù tiền công trả cho lao động phức tạp thường cao hơn, nhưng phần giá trị thặng dư mà họ tạo ra cho chủ sở hữu tư bản là các công ty công nghệ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo... vẫn rất lớn. Quá trình đào tạo để có được kỹ năng phức tạp này chính là sự đầu tư vào việc sản xuất và tái sản xuất sức lao động có chất lượng cao hơn, và giá trị sử dụng đặc biệt của loại sức lao động này là khả năng tạo ra nhiều giá trị mới và giá trị thặng dư.

Bên cạnh đó, khái niệm lao động trừu tượng của C.Mác càng trở nên quan trọng trong kinh tế số. Dù là lập trình viên, nhà phân tích dữ liệu xử lý thông tin, hay người quản lý nội dung trên mạng xã hội, tất cả đều là những biểu hiện của lao động trừu tượng tạo ra giá trị. Giá trị của các sản phẩm số như phần mềm, ứng dụng, nội dung số... cũng được quy về thời gian lao động xã hội cần thiết của các loại lao động trừu tượng.

2.3.2. Những biểu hiện mới của việc sản xuất và chiếm đoạt giá trị thặng dư trong Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Việc ứng dụng AI, tự động hóa, Big data giúp các doanh nghiệp tăng năng suất lao động lên nhiều lần, giảm chi phí sản xuất trên mỗi đơn vị sản phẩm. Điều này làm giảm thời gian lao động tất yếu (thời gian cần thiết để người lao động tạo ra giá trị tương đương tiền công) và tăng thời gian lao động thặng dư, ngay cả khi ngày lao động không kéo dài hoặc tiền lương danh nghĩa có thể tăng. Thí dụ, một nhà máy thông minh có thể sản xuất nhiều sản phẩm hơn với số lượng công nhân ít hơn, hoặc công nhân được trang bị công cụ AI có thể hoàn thành công việc nhanh hơn và hiệu quả hơn.

Các nền tảng mạng xã hội (Facebook, YouTube, TikTok...), công cụ tìm kiếm (Google) và nhiều ứng dụng miễn phí khác thu thập một lượng dữ liệu khổng lồ, gồm hành vi, sở thích, tương tác của người dùng. Dữ liệu này là do người dùng tạo ra trong quá trình sử dụng dịch vụ, trở thành tài sản quý giá được các nền tảng này bán cho các nhà quảng cáo hoặc sử dụng để phát triển sản phẩm mới, tạo ra lợi nhuận khổng lồ. Người dùng thường không được trả công hoặc chỉ nhận được lợi ích sử dụng dịch vụ “miễn phí” cho việc tạo ra dữ liệu này. Đây có thể coi là một hình thức tinh vi của

việc chiếm đoạt lao động không công để tạo giá trị thặng dư. Đồng thời, những người tạo nội dung trên YouTube, TikTok, Instagram, v.v., mặc dù có thể nhận được một phần doanh thu quảng cáo, nhưng phần lớn giá trị mà nội dung của họ tạo ra (thu hút người xem, tạo dữ liệu, tăng giá trị cho nền tảng...) lại thuộc về chủ sở hữu nền tảng.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo điều kiện cho các công ty đa quốc gia dễ dàng thuê ngoài nhiều công đoạn sản xuất và dịch vụ số như lập trình, thiết kế, hỗ trợ khách hàng, xử lý dữ liệu... ở các quốc gia có chi phí lao động thấp hơn. Điều này tạo ra một “đội quân lao động dự bị”⁽³⁾ toàn cầu, cạnh tranh trực tiếp với nhau và bị tận dụng sức lao động ở cường độ cao, trong điều kiện làm việc không bảo đảm, tương tự như các “xưởng vắt mồ hôi” truyền thống mà C.Mác đã đề cập đến, song xuất hiện dưới hình thức mới trong không gian số.

2.3.3. Những mâu thuẫn kinh tế - xã hội gia tăng dưới tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư qua lăng kính học thuyết giá trị thặng dư

Học thuyết giá trị thặng dư giúp soi chiếu những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản, nay được biểu hiện dưới những hình thái mới trong Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Thứ nhất, phân cực giàu nghèo và bất bình đẳng

Lợi ích từ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có xu hướng tập trung vào tay một số ít các chủ sở hữu công nghệ, nền tảng số và tư bản lớn, trong khi một bộ phận lớn người lao động, đặc biệt là lao động kỹ năng thấp phải đối mặt với nguy cơ mất việc làm, giảm thu nhập hoặc điều kiện làm việc bấp bênh. Điều này làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội, một biểu hiện của việc giá trị thặng dư được phân phối không đồng đều.

Thứ hai, thất nghiệp công nghệ và sự bấp bênh của việc làm

Tự động hóa và trí tuệ nhân tạo có khả năng giải phóng con người khỏi nhiều loại công việc. Tuy nhiên, nếu không có cơ chế đào tạo lại, phân bổ lại lao động và chia sẻ lợi ích phù hợp, sẽ có nguy cơ tạo ra một “đội quân thất nghiệp tương đối” mới, gây áp lực giảm tiền lương của những người vẫn đang làm việc và gia tăng sự bấp bênh trong xã hội.

Thứ ba, quyền lực ngày càng tăng của các tập đoàn công nghệ đa quốc gia tạo nên sức mạnh độc quyền số

Các “Big Tech” (Google, Amazon, Facebook, Apple, Microsoft...) trên thế giới ngày nay đã tích lũy một lượng tư bản khổng lồ, kiểm soát dữ liệu, công nghệ và các nền tảng quan trọng, tạo ra vị thế độc quyền hoặc thiếu số độc quyền trên thị trường toàn cầu. Họ có khả năng chi phối các quy tắc kinh tế, chính trị và thu lợi nhuận siêu ngạch, phản ánh sự tập trung tư bản và giá trị thặng dư ở mức độ cao.

Thứ tư, mâu thuẫn giữa tính xã hội hóa ngày càng cao của sản xuất và sự chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư thúc đẩy mạnh mẽ sự kết nối, hợp tác và chia sẻ kiến thức trên quy mô toàn cầu, thể hiện qua các hình thức như mã nguồn mở, cộng đồng sáng tạo trực tuyến... Lực lượng sản xuất vì thế ngày càng mang tính xã hội hóa cao độ. Tuy nhiên, các sản phẩm của quá trình sản xuất xã hội hóa ấy, từ dữ liệu, thuật toán, cho đến lợi nhuận... lại chủ yếu bị chiếm hữu bởi các tập đoàn tư nhân lớn. Mâu thuẫn này, theo C.Mác, là một trong những động lực cơ bản của sự vận động và thay đổi xã hội.

3. Kết luận

Học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác, dù ra đời từ thế kỷ XIX, song vẫn giữ nguyên tính

thời đại sâu sắc trong việc phân tích bản chất của các quan hệ kinh tế trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đối với Việt Nam, một quốc gia đang nỗ lực tận dụng cơ hội từ cuộc cách mạng này để bứt phá phát triển, việc nhận diện rõ những biểu hiện của quy luật giá trị thặng dư trong thực tiễn là vô cùng quan trọng. Từ các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp công nghệ trong nước, đến sự bùng nổ của dịch vụ vận tải công nghệ hay những người làm việc trong các “công xưởng số”, dấu ấn của việc tạo ra và phân chia giá trị thặng dư luôn hiện hữu. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới chính sách lao động và an sinh xã hội, đẩy mạnh đầu tư vào nguồn nhân lực và tăng cường quản lý nhà nước đối với các hình thái kinh doanh mới, nhằm bảo đảm sự phát triển hài hòa, bền vững, và vì lợi ích của toàn dân □

Ngày nhận bài: 28-11-2025;

Ngày bình duyệt: 18-12-2025;

Ngày duyệt đăng: 22-12-2025.

Email: nhibtt@napa.vn

(1) Nền kinh tế nền tảng (Platform Economy) được hiểu là một phần của nền kinh tế mà tại đó các hoạt động kinh tế và xã hội được diễn ra trên các nền tảng kỹ thuật số (Digital platform).

(2) Nền kinh tế Gig (Gig Economy) là nền kinh tế mà trong đó mọi người thường làm việc bán thời gian hoặc tạm thời, còn các công ty có xu hướng thuê những người làm việc độc lập và tự do thay vì nhân viên toàn thời gian.

(3) Đội quân lao động dự bị: Lực lượng lao động dư thừa, thất nghiệp do máy móc thay thế sức lao động của con người.